

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRI TÔN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 20-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Đào Nữ Ngọc Lan

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Cao Thị Phương Trang

Bà: Châu Thanh Nguyên

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Kim Liệu

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang*** tham gia phiên tòa:  
Ông Châu PhoLy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 2 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Neàng N, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 14, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt)

2. ***Bị đơn:*** Anh Châu Sóc Ch, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 8, ấp R, xã Ch, huyện T, tỉnh An Giang (xin xét xử vắng mặt)

3. ***Phiên dịch tiếng Khmer:*** Ông Châu S, sinh năm 1947; địa chỉ: Ấp Ph, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn ly hôn ngày 20-01-2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Neàng N trình bày: Chị và anh Châu Sóc Ch tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết

hôn chị và anh Ch về chung sống tại ấp Ba Xoài, xã An Cư, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống vợ chồng được khoảng tháng 03 năm 2005 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do anh Chau Sóc Ch không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị và anh Chau Sóc Ch ly thân nhau từ tháng 03-2005 đến nay. Nay nhận thấy chị không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng, chị Neàng N xin ly hôn với anh Chau Sóc Ch.

Về con chung: Có 01 con chung tên Chau Na R, sinh ngày 18-3-2003, hiện đang sống cùng chị, khi ly hôn, chị Neàng N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Chau Sóc Ch trình bày: Theo biên bản ghi lời khai ngày 18-8-2022, anh thừa nhận tình trạng hôn nhân giữa anh và chị Nưàng N như chị N trình bày, anh và chị tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng năm 2002, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và đã ly thân từ tháng 3-2005 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa anh và chị không thể tiếp tục, chị Neàng N xin ly hôn, anh Chau Sóc Ch đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Chau Na R, sinh ngày 18-3-2003, hiện đang sống cùng chị N, khi ly hôn, anh Ch đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh không cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Neàng N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với Chau Sóc Ch; yêu cầu nuôi dưỡng con chung; tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chau Sóc Ch vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình tố tụng anh Ch đồng ý ly hôn với chị N; đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng; tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào nội dung và các tài liệu có trong hồ sơ nhận thấy: Do anh Ch không quan tâm đến gia đình, thường xuyên ăn nhậu mặc dù đã khuyên nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi và đã ly thân từ tháng 3-2005 đến nay. Trong thời kỳ hôn nhân hai bên cũng không liên lạc với nhau nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn lại, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với anh Ch.

Căn cứ biên bản xác minh ngày 23-6-2022 chị Neàng N và anh Chau Sóc Ch chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn.

Từ những chứng cứ trên xét thấy chị N xin ly hôn với anh Ch là có căn cứ chấp nhận. Nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận chị N và anh Ch là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Chau Na R, sinh ngày 18-3-2003, hiện đang sống cùng chị N, chị N xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu R. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu R cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Chau Sóc Ch cư trú tại ấp Rò Leng, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Chau Sóc Ch đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Ch.

[3] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa chị Neàng N và anh Chau Sóc Ch xác lập trên cơ sở tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống vợ chồng, chị N và anh Ch hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục chị N xin ly hôn với anh Ch. Anh Ch cũng đồng ý ly hôn với chị N.

Theo biên bản xác minh, ngày 23-6-2022 tại Ủy ban nhân dân xã An Cư, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang cho biết, từ năm 2002 đến nay chị Nèang N và anh Chau Sóc Ch không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Ch được xác lập trên cơ sở tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn, đến thời điểm hiện tại chị N và anh Ch vẫn chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn. Nay chị N xin ly hôn với anh Ch, anh Ch cũng đồng ý ly hôn. Qua kết quả xác minh tại địa phương và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa cũng như tại phiên tòa, mặc dù chị N và anh Ch đồng ý thuận tình ly hôn nhưng không được công nhận mà căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử quyết định không công nhận chị Nèang N và anh Chau Sóc Ch là vợ chồng.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Chau Na R, sinh ngày 18-3-2003, hiện đang sống cùng chị N. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị N đều xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và nguyện vọng của cháu R muốn sống cùng mẹ là chị N sau khi cha mẹ ly hôn, anh Ch đồng giao con cho chị N nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi ly thân đến nay bé Chau Na R do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng và chị N cũng đảm bảo điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng cháu R, do vậy nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu. Hội đồng xét xử, quyết định giao cháu Chau Na R, sinh ngày 18-3-2003 cho chị Nèang N tiếp tục chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nèang N và anh Chau Sóc Ch, khai không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn Cú Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nèang N và anh Chau Sóc Ch là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Chau Na R, sinh ngày 18-3-2003 cho chị Neàng N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Chau Sóc Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Neàng N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0008169 ngày 16 tháng 2 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Ủy ban nhân dân xã An Cư,
- Huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Nữ Ngọc Lan**